TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 3- 2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2023/TLST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Cẩm V, sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N (tên thường gọi là T), sinh năm: 1978 (có mặt).
Ông Trần Văn C, sinh năm: 1960 (có đơn xin vắng mặt)
Củng địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Võ Cẩm V trình bày:

Năm 2020 bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn C làm chủ. Bà tham gia một chân hụi mùa (theo vụ lúa) 10.000.000 đồng có 15 hụi viên, ông đóng hụi sống được 10 lần đến lần thứ 11 thì bà N, ông C không xổ hụi nữa và không giao trả số tiền hụi. Bà đã nhiều lần gặp bà N, ông C yêu cầu giao trả lại số tiền hụi cho bà nhưng ông C-bà N chỉ hứa cho qua chuyện. Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm nên bà yêu cầu vợ chồng bà N, ông C liên đới giao trả cho bà số tiền hụi gốc còn nợ là 59.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà xác định vợ chồng bà có đứng ra làm chủ hụi, bà V có tham gia là hụi viên. Nhưng

do hụi bể nên bà không còn khả năng chi trả, bà thống nhất trả số tiền hụi gốc cho bà V là 59.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa là 4.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, ông Trần Văn C thể hiện ý kiến thừa nhận có nợ tiền hụi bà V là 59.000.000 đồng, ông đồng ý chịu trách nhiệm trả nhưng xin trả dần theo vụ lúa, mỗi vụ trả 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Võ Cẩm V khởi kiện bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn C yêu cầu giao trả số tiền nợ hụi nên đây được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; bà N, ông C là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang..

Ông Trần Văn C có đơn xin vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, bà Võ Cẩm V yêu cầu ông C và bà N cùng liên đới giao trả số tiền hụi còn nợ là 70.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Cẩm V thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà xác định chỉ yêu cầu bà N- ông C trả cho bà số tiền hụi gốc thực góp là 59.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu khởi kiện của bà V, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình giải quyết vụ án cũng như căn cứ vào ý kiến trình bày của phía bị đơn ông C và bà N đều thừa nhận có nợ bà V số tiền hụi gốc là 59.000.000 đồng, nên có đủ cơ sở để buộc vợ chồng ông C, bà N cùng liên đới giao trả cho bà V số tiền hụi gốc còn nợ 59.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, giữa bà V và bà N, ông C không thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng quyết định khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu tính lãi, bà V xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, bà N và ông C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà N và ông C còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của bà V được chấp nhận nên bà N, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền:

59.000.000 đồng x 5% = 2.950.000 đồng. Ông C, bà N mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.475.000 đồng. Do ông C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí và có đơn xin miễn tiền án phí nên ông C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Buộc bà N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.475.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà V tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002209 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Võ Cẩm V.

Buộc ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N cùng liên đới giao trả cho bà Võ Cẩm V số tiền nợ hụi là 59.000.000 đồng (*Năm mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, ông C – bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông C – bà N phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Ông Trần Văn C là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên ông C thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà N nộp tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch là 1.475.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Cẩm V tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002209 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể, đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 22- 3-2024); đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương